

Bản án số: 67/2024/DS-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngu

Bà Ngô Thị Muối

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 30/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 08/7/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Văn Trung T.** Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

- Bị đơn: Bà **Quách Kiều T1.** Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024 của nguyên đơn ông Văn Trung T, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/8/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Văn Trung T trình bày:

Vào ngày 20/03/2023 (nhằm ngày 29/02/2023 Âm lịch), bà Quách Kiều T1 đến nhà ông Văn Trung T vay số tiền: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), với lãi suất: 2,5% một tháng, nợ tiền lãi là: 1.000.000 đồng/tháng.

Đến ngày 15/03/2023 (Âm lịch), bà Quách Kiều T1 lại đến nhà ông T vay thêm 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất: 2,5% tháng, thành tiền lãi: 500.000 đồng x 02 tháng = 1.000.000 đồng/tháng.

Tổng số tiền vay 02 lần là: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi 02 khoản là: 2.000.000 đồng. Bà Quách Kiều T1 không dùng số tiền vay để làm ăn sinh sống mà bà T1 cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn. Nay ông T yêu cầu bà T1 trả nợ gốc lại cho ông T số tiền: 60.000.000 đồng và nợ tiền lãi của ông T 02 khoản số tiền là 2.000.000 đồng. Ông T đã nhiều lần đến nhà bà T1 để đòi nhưng bà T1 cứ hẹn lần này cho đến lần khác vẫn không trả cho ông.

Ông Văn Trung T quá bức xúc sự việc nêu trên nên đã làm đơn gửi đến Ban nhân dân và Tổ hòa giải ấp S vào ngày 26/12/2023 (dương lịch) nhưng Ban nhân dân ấp không giải quyết cho ông T, buộc lòng ông T làm đơn gửi đến Hội đồng hòa giải tranh chấp tiền bạc xã T, vào ngày 08/01/2024 thì Văn phòng xã T trả lời với ông T là trường hợp này gửi đơn thẳng đến Tòa án huyện Châu Thành giải quyết.

Do đó, ông Văn Trung T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết :

Buộc bà Quách Kiều T1 trả cho ông Văn Trung T nợ gốc 02 khoản vay với số tiền: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), kèm theo 02 khoản nợ lãi tính theo lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 12/01/2024 đến ngày đưa ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/8/2024 nguyên đơn ông Văn Trung T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông Văn Trung T chỉ yêu cầu bà Quách Kiều T1 trả số tiền nợ gốc của 02 khoản vay là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Quách Kiều T1: Tòa án đã thực hiện cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cho bà Quách Kiều T1 nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay bà Quách Kiều T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không đến tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Văn Trung T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Quách Kiều T1 trả số tiền vốn và lãi vay còn nợ. Do vậy, Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Quách Kiều T1 cư trú tại ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Đối với bị đơn bà Quách Kiều T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Quách Kiều T1.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Trung T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Quách Kiều T1 trả cho ông số tiền nợ gốc của 02 khoản vay là 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Văn Trung T trình bày vào ngày 20/3/2023 (nhằm ngày 29/02/2023 Âm lịch) ông có cho bà Quách Kiều T1 vay số tiền là 40.000.000 đồng, tiếp đến ngày 15/3/2023 âm lịch ông tiếp tục cho bà Quách Kiều T1 vay thêm số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần vay là 60.000.000 đồng và để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì ông Văn Trung T có cung cấp cho Tòa án chứng cứ gồm: 01 Tờ vay tiền đề ngày 20/3/2023 được ghi trên giấy tập học sinh gồm 02 mặt, mặt 1 có nội dung: “...Tôi tên Văn Trung T, sinh năm 1967. Tôi có cho cháu Quách Kiều T1 vay 40.000.000 đồng.... có ký và ghi tên Quách Kiều T1 dưới chữ ký nhận” và mặt 2 có nội dung: “ Vay thêm 20.000.000 đồng 15-03-2023 âm lịch...có ký và ghi tên Quách Kiều T1 dưới dòng chữ người vay ký nhận” (Bút lục 12). Đồng thời, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Quách Kiều T1 nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay bà Quách Kiều T1 không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, việc nguyên đơn ông Văn Trung T yêu cầu bà Quách Kiều T1 trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn ông Văn Trung T, buộc bà Quách Kiều T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Văn Trung T số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Quách Kiều T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $(60.000.000 \text{ đồng} \times 05\%) = 3.000.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Văn Trung T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Trung T.

1.1. Buộc bà Quách Kiều T1 phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Văn Trung T tổng số tiền vốn vay còn nợ là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Quách Kiều T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn ông Văn Trung T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005105 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Lam